

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/KDTM-ST**

Ngày: 07 - 7 - 2022.

V/v tranh chấp: *Hợp đồng mua bán
hàng hóa giữa Công ty T
và Công ty N.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tài**
2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày **07** tháng **7** năm **2022** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số **01/2022/TLST-KDTM** ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **01/2022/QĐXXST-KDTM** ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty TNHH một thành viên sản xuất - thương mại - xuất nhập khẩu T. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lương Bình T.** Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Tổ 21, Khu phố 1, Ấp 7, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Sin Thoại Khoa T.** sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số 351/13 đường P, Phường 14, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất N (nay đổi tên là Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất T). Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình Th.** Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Xóm 5, Thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên - sản xuất thương mại - xuất nhập khẩu T

(sau đây gọi tắt là Công ty T), người đại diện theo ủy quyền là ông Sin Thoại Khoa T trình bày:

Vào ngày 01/01/2018 Công ty T và Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất N, nay đổi tên là Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất T (sau đây gọi tắt là Công ty N) có ký hợp đồng nguyên tắc số 11 ngày 01/01/2018 về việc cung cấp mặt hàng phân bón. Theo hợp đồng thì Công ty T sẽ giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty N; tên hàng, quy cách, số lượng, đơn giá cụ thể sẽ được căn cứ theo từng đợt giao hàng và Công ty N phải thanh toán 100% tiền hàng bằng phương thức chuyển khoản hoặc tiền mặt cho Công ty T khi Công ty N nhận hàng trong thời hạn 60 ngày kể từ lô hàng cuối cùng.

Đến ngày 06/4/2019 hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và Công ty N còn nợ Công ty T tổng số tiền là 248.400.000đ và thỏa thuận thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 25/4/2019. Sau đó, mặc dù Công ty T đã đòi nợ nhiều lần nhưng Công ty N vẫn không trả.

Vì vậy, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty N phải có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc là 248.400.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo mức 0,83%/tháng kể từ ngày 06/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Công ty N- người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy, không có lời khai của ông Nguyễn Đình Th tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Sin Thoại Khoa T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm đề nghị:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với Công ty N;
- Buộc Công ty N phải trả cho Công ty T số tiền nợ gốc là 248.400.000đ và tiền lãi kể từ ngày 25/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật;
- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** Công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty N có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng nhưng Công ty N cố tình không trả nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng đại lý*” nhưng căn cứ vào nội dung hợp đồng nguyên tắc số 11 ký ngày 01/01/2018 thì cần căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa*” và vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Sin Thoại Khoa T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Công ty N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (niêm yết) nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Theo Hợp đồng nguyên tắc số 11 ký ngày 01/01/2018 giữa Công ty T và Công ty N (nay đổi tên là Công ty T) về việc cung cấp mặt hàng phân bón. Theo hợp đồng thì Công ty T sẽ giao hàng theo đơn đặt hàng của Công ty N; tên hàng, quy cách, số lượng, đơn giá cụ thể sẽ được căn cứ theo từng đợt giao hàng. Đến ngày 06/4/2019 hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và Công ty N còn nợ Công ty T tổng số tiền là 248.400.000đ và thỏa thuận thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 25/4/2019. Sau đó, mặc dù Công ty T đã đòi nợ nhiều lần nhưng Công ty N vẫn không trả nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn thì: Vào ngày 01/01/2018 Công ty T và Công ty N có ký hợp đồng nguyên tắc về việc thỏa thuận mua bán phân bón. Đến ngày 06/4/2019 hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký xác nhận và đóng dấu của ông Nguyễn Đình Th- là người đại diện theo pháp luật của Công ty N. Theo bản đối chiếu công nợ thì Công ty N còn nợ Công ty T tổng số tiền gốc là 248.400.000đ và thỏa thuận thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 25/4/2019. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty N là ông Nguyễn Đình Th cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và cũng không cung cấp chứng cứ về việc sau khi đối chiếu công nợ thì công ty đã trả nợ cho Công ty T hay chưa. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm Công ty N còn nợ Công ty T số tiền gốc là 248.400.000đ nên Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty N (nay đổi tên là Công ty T) phải trả số nợ gốc trên là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về lãi suất:

Theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết trong hợp đồng nguyên tắc và theo bản đối chiếu công nợ thì thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 25/4/2019 nhưng Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự để buộc Công ty N phải trả lãi trên số tiền chậm trả cho Công ty T. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T yêu cầu áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 25/4/2019

đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, cụ thể là: $248.400.000đ \times 0,83\%/tháng \times 38 \text{ tháng (tính tròn)} = 78.345.000đ$.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T; Buộc Công ty N phải trả cho Công ty T tổng số tiền là 326.745.000đ, trong đó: Tiền gốc là 248.400.000đ và tiền lãi là 78.345.000đ.

*** Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty N phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là $326.745.000 \times 5\% = 16.337.000đ$.

Công ty T không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Công ty T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.570.000đ (*Sáu triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004733 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. **Xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên- sản xuất thương mại- xuất nhập khẩu T đối với Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất N (nay là Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất T) về việc “*Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa*”.

Buộc Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất N (nay là Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất T) phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH một thành viên- sản xuất thương mại- xuất nhập khẩu Thiên Trường tổng số tiền là 326.745.000đ (*Ba trăm hai mươi sáu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*); trong đó: Tiền gốc là 248.400.000đ và tiền lãi là 78.345.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất N (nay là Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất T) phải chịu 16.337.000đ (*Mười sáu triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng*) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty T không phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Công ty T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.570.000đ (*Sáu triệu năm trăm bảy*

mười ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004733 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/7/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường